

Số: 276/BC-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 5 năm 2018

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AG	
ĐẾN	Ngày: 01 / 6 / 2018
	Số: 54.94
	Chuyển:
	Lưu Hồ Sơ: BC-UBND

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh

Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-HĐND ngày 04/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tổ chức kỳ họp thứ 7 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN

1. Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện Chương trình

a) Khái quát đặc điểm, tình hình

An Giang là tỉnh đầu nguồn lưu vực Sông Cửu Long, có tổng diện tích tự nhiên gần 353,6 ngàn ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 298,5 ngàn ha (chiếm tỷ lệ 84,42%); đất phi nông nghiệp là 53,9 ngàn ha (chiếm tỷ lệ 15,26%). Toàn tỉnh có 08 huyện, 01 thị xã và 02 thành phố với 156 xã, phường, thị trấn (trong đó có 119 xã). Tổng dân số là 2,157 triệu người (có 4 dân tộc chính là Kinh, Khmer, Chăm và Hoa) với trên 539.347 hộ dân và là tỉnh có dân số cao nhất trong khu vực các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long.

Là tỉnh sản xuất nông nghiệp, vừa có đồng bằng, vừa có đồi núi, có đường biên giới giáp 02 tỉnh Takeo và Kandal thuộc Vương quốc Campuchia dài gần 100km, có 02 cửa khẩu quốc tế là Xuân Tô và Vĩnh Xương và 01 cửa khẩu quốc gia Khánh Bình, có vị trí chiến lược về quốc phòng và an ninh. An Giang là tỉnh có nhiều thuận lợi về nguồn nước, khí hậu, đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp, trong đó thế mạnh của tỉnh là sản xuất lúa, cá và rau màu nhưng tỉnh An Giang hằng năm cũng chịu ảnh hưởng do thiên tai, lũ lụt gây thiệt hại lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP - theo giá so sánh 2010) tăng 5,11%, cao hơn mức tăng của năm 2015 (là 5,04%) và 2016 (là 4,47%); trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,02%, khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng 7,02%, khu vực dịch vụ tăng 7,22%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,84%. Cơ cấu kinh tế cả năm 2017 tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực và dần ổn định (khu vực I ngày càng giảm và khu vực II, khu vực III tăng dần qua các năm), trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 30,90%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 14,21%; khu vực dịch

vụ chiếm 53,30%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 1,60% (cơ cấu kinh tế năm 2016 lần lượt là 32,96%; 13,73%; 51,70% và 1,61%).

Hệ thống giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và chất lượng; mạng lưới trường lớp được đầu tư rộng khắp. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn được tăng cường; lao động được giải quyết việc làm ổn định hàng năm; cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới và nhiều chương trình khác ngày càng đi vào chiều sâu. Các thiết chế văn hóa tiếp tục được đầu tư, nâng cấp. Nhiều di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng trên địa bàn tỉnh được quy hoạch, đầu tư nâng cấp, tôn tạo và đưa vào khai thác. Các chính sách an sinh xã hội được triển khai đồng bộ. Đời sống vật chất và tinh thần của các đối tượng bảo trợ xã hội, người có công, hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng khó khăn luôn được cải thiện.

Các cấp ủy và chính quyền luôn quan tâm thực hiện đồng bộ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng an ninh. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh luôn được thực hiện thường xuyên. Hoạt động khu vực phòng thủ ngày càng đi vào chiều sâu, vững chắc, nhất là các khu vực trọng điểm biên giới, miền núi. Thường xuyên tổ chức các buổi diễn tập xử lý tình huống trên biên giới. Triển khai có hiệu quả các đề án phòng thủ dân sự, đề án xây dựng lực lượng chính trị nòng cốt trong phòng, chống diễn biến hòa bình... thực hiện tốt công tác đối ngoại về quốc phòng và an ninh.

b) Thuận lợi - khó khăn trong tổ chức thực hiện

*** Thuận lợi:**

- Trong giai đoạn 2016-2020, Trung ương đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh cũng đã nghiên cứu ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị của tỉnh nhà và đặc biệt là sự hưởng ứng của người dân trong thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

- Chủ trương đẩy mạnh ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp từ Trung ương đã tạo tiền đề để tỉnh đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, công nghệ cao phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Thực hiện Nghị định số 161/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 ban hành 14 danh mục công trình được áp dụng cơ chế đặc thù như: cầu, đường giao thông, đê, nhà ở hộ nghèo, điểm sinh hoạt văn hóa xã, ấp, công trình chợ nông thôn, công trình nước sinh hoạt, công trình cải tạo và xử lý môi trường. Đến nay các Sở, ngành được phân công đều đã ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình để địa phương tổ chức thực hiện.

*** Khó khăn:**

- Sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ và phân tán; chất lượng nông sản hàng hóa nhìn chung còn thấp, sức cạnh tranh còn kém. Tỷ trọng khu vực nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Hệ thống giao thông vùng và trên địa bàn tỉnh chưa đồng bộ. Thu hút đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn còn hạn chế.

- Tổ chức lại sản xuất theo qui mô lớn, hàng hóa và theo chuỗi giá trị chậm được đổi mới; mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, nhưng chậm được nhân rộng.

- Tỷ lệ hộ nghèo tuy có giảm nhưng thiếu tính bền vững, tình trạng phát sinh nghèo, tái nghèo còn cao. Một số xã có tỷ lệ hộ nghèo ở mức cao, nhất là các xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn nhìn chung còn thấp. Đời sống người dân vùng nông thôn cũng còn gặp nhiều khó khăn.

- Khi sử dụng nguồn NSTW thì cần phải có ban hành danh mục dự án thiết kế mẫu áp dụng cơ chế đặc thù; tuy nhiên một số công trình không thể ban hành thiết kế mẫu áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị định số 161/NQ-CP do kỹ thuật khá phức tạp như công trình điện, cầu (phần móng do tùy thuộc vào địa hình, địa chất).

- Trung ương chưa ban hành hướng dẫn cụ thể đối với các dự án, thiết kế mẫu đã được phê duyệt sẽ triển khai đến các địa phương; do đó, làm giảm đi tính hiệu quả của các dự án, thiết kế.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện đối với các thiết kế mẫu xử lý môi trường tại các xã còn hạn chế nên chậm được triển khai, áp dụng.

- Các danh mục áp dụng cơ chế đặc thù khuyến khích giao cho cộng đồng dân cư thực hiện thi công; tuy nhiên, trong thực tế việc áp dụng này rất ít do năng lực của cộng đồng dân cư không đảm bảo.

c) Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị địa phương trong triển khai thực hiện

- Được sự chỉ đạo và kiểm tra sát sao tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các cấp trong tỉnh của các cấp ủy, chính quyền. Qua đó, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các xã có lộ trình xây dựng nông thôn mới tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình.

- Công tác chỉ đạo, điều hành ở nhiều địa phương được thực hiện quyết liệt, sâu sát hơn; các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện đã chủ động hơn trong chỉ đạo, phân công nhiệm vụ thực hiện các nội dung, tiêu chí nông thôn mới, qua đó kịp thời hướng dẫn các xã tháo gỡ khó khăn vướng mắc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới.

- Cơ quan liên quan tỉnh thường xuyên phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã khảo sát, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các địa phương.

d) Công tác chỉ đạo, điều hành

- Việc ban hành các văn bản có liên quan thực hiện Chương trình

+ Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020 và Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 18/7/2016 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; ngày 21/11/2016, UBND tỉnh đã có Quyết định số 3310/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, trong đó đã đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch giải pháp đẩy nhanh việc thực hiện xây dựng nông thôn mới.

+ Đối với cấp huyện, nhằm quán triệt và cụ thể hóa Chương trình hành động số 04-CTr/TU của Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ của 11/11 huyện, thị xã và thành phố đã xây dựng Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. 11/11 huyện, thị xã và thành phố đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình.

+ Thực hiện Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020; ngày 19/01/2017, UBND đã ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND về phát động phong trào thi đua “An Giang chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020”.

+ Để nâng cao vai trò của cấp ủy đảng trong xây dựng nông thôn mới, Ban Tổ chức tỉnh ủy đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 244-QĐ/TU ngày 11/8/2016 của Tỉnh ủy về việc phân công các đồng chí Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh phụ trách huyện xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (được điều chỉnh bằng Công văn số 532-CV/VPTU ngày 05/10/2016 về việc thay đổi danh sách phân công phụ trách xã nông thôn mới).

+ Các sở, ban, ngành tỉnh được phân công phụ trách địa bàn xã, huyện xây dựng nông thôn mới và các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới các địa bàn phụ trách; hầu hết các xã đã được các đồng chí Tỉnh ủy viên đến kiểm tra (khoảng 2-4 lần/xã) và làm việc trực tiếp với đại diện lãnh đạo Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã, đánh giá lại những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các tiêu chí và bàn các giải pháp, định hướng nhằm hỗ trợ các xã đảm bảo việc xây dựng xã nông thôn mới theo đúng tiến độ, lộ trình đề ra. Qua đó, đã đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới ở các xã điểm; một số xã đã và đang đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành trước lộ trình như xã Mỹ Khánh -TP Long Xuyên,

xã Thoại Giang - H. Thoại Sơn (lộ trình 2017 nhưng hoàn thành năm 2016), 02 xã hoàn thành trước lộ trình trong năm 2017 như xã Khánh Hòa - H. Châu Phú và Vĩnh Khánh - H. Thoại Sơn (lộ trình năm 2018 nhưng đạt chuẩn năm 2017).

+ Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao cho Chủ tịch UBND tỉnh tùy tình hình thực tế địa phương quyết định 06 tiêu chí và 13 chỉ tiêu gồm tiêu chí 02 Giao thông, tiêu chí 3 Thủy lợi, tiêu chí 6 Cơ sở vật chất văn hóa, tiêu chí 7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, tiêu chí 8 Thông tin truyền thông, tiêu chí 17 Môi trường và An toàn thực phẩm. Ngày 28/11/2016 Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020 gồm 19 tiêu chí và 49 chỉ tiêu; trong đó, đã phân công 16 sở, ngành tỉnh phụ trách từng tiêu chí, chỉ tiêu. Ngoài ra, theo chỉ đạo và hướng dẫn của Trung ương, Ban Chỉ đạo tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ký Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 gồm 19 tiêu chí và 35 chỉ tiêu.

+ Trên cơ sở các Văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 ban hành hướng dẫn phương pháp xác định, đánh giá mức độ đạt tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

+ Ngoài ra, căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Ngày 24/8/2017, UBND tỉnh đã có Quyết định số 2548/QĐ-UBND về việc ban hành hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020.

+ Ngày 22 tháng 4 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 quy định về mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Kết quả kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

+ Thực hiện Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành quy chế quản lý thực hiện các Chương trình MTQG; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia

tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020 trên cơ sở sáp nhập 2 Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG (Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới); theo đó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban chỉ đạo, 01 Phó Chủ tịch làm Phó trưởng ban phụ trách Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, 01 Phó chủ tịch làm Phó trưởng ban phụ trách Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững.

+ Thực hiện Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 5/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 kiện toàn Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; và UBND cấp huyện đã kiện toàn bộ máy Văn phòng Điều phối cấp huyện. Tuy nhiên, đối với cấp xã chưa bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi Chương trình, hầu hết là do các công chức xã phụ trách kiêm nhiệm như Văn phòng - Thống kê, Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường, Văn hóa - Xã hội,...

đ) Công tác tuyên truyền vận động, giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới

Công tác tuyên truyền, quán triệt về xây dựng nông thôn mới được các cấp, các ngành triển khai thường xuyên, liên tục đến từng địa bàn dân cư. Nội dung, hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng với phương châm giúp người dân “dễ hiểu, dễ thấy, dễ làm và sẵn sàng đóng góp trí tuệ, công sức, vật chất tham gia xây dựng nông thôn mới”, tuyên truyền vận động nhân dân “Chung sức xây dựng nông thôn mới” bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền miệng, qua các buổi họp, hội nghị, hệ thống loa truyền thanh, qua các hoạt động văn hóa văn nghệ, cuộc thi tìm hiểu xây dựng nông thôn mới, tuyên truyền trực quan pa nô, áp phích, thực hiện các mô hình như “Dân vận khéo”, phong trào “5 không, 3 sạch” gắn với việc vận động thực hiện tiêu chí vệ sinh môi trường của hội liên hiệp phụ nữ các cấp...

Các cơ quan thông tin truyền thông trong tỉnh thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Trung ương, của tỉnh về xây dựng nông thôn mới; thường xuyên đưa các chuyên mục định kỳ như: Chương trình “An Giang xây dựng nông thôn mới” được truyền hình trực tiếp định kỳ trên Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang, “Nông dân giỏi tham gia phát triển sản xuất xây dựng nông thôn mới” gắn với tiêu chí ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp của hội nông dân các cấp; “Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội” gắn với tiêu chí an ninh trật tự được giữ vững... để vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới đem lại hiệu quả tích cực, góp phần vào thành công chung của công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã tổ chức tuyên truyền cho hơn 32.000 lượt người là cán bộ, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân tham dự. Qua đó, tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ, đảng viên và đặc biệt là tạo sự đồng thuận trong nhân dân cùng tham gia xây dựng nông thôn mới.

2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới

2.1 Kết quả thực hiện của 61 xã điểm theo Chương trình hành động số 04-CTr/TU

Tính đến cuối năm 2017, trong 61 xã điểm theo lộ trình kế hoạch của tỉnh ủy, UBND tỉnh đến năm 2020, toàn tỉnh đã có 33 xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 54,1%), 08 xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí, 18 xã đạt từ 10 đến 14 tiêu chí, 02 xã đạt từ 8 đến 9 tiêu chí (xã Khánh Bình - huyện An Phú đạt 8 tiêu chí và xã Kiến An - Chợ Mới chỉ đạt 9 tiêu chí); không có xã đạt dưới 7 tiêu chí. Trong 33 xã đạt chuẩn “Xã nông thôn mới”, có 4 xã đạt chuẩn trước lộ trình kế hoạch gồm: Xã Mỹ Khánh - thành phố Long Xuyên, xã Thoại Giang, xã Vĩnh Khánh - huyện Thoại Sơn và xã Khánh Hòa - huyện Châu Phú, góp phần thực hiện vượt chỉ tiêu đề ra (vượt chỉ tiêu 02 xã, kế hoạch đến năm 2017 là 31 xã).

Nhìn chung, một số địa phương đã triển khai rất tốt Chương trình, điển hình là cấp ủy và chính quyền huyện Thoại Sơn, nhưng một số địa phương chưa thực hiện tốt công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc duy trì, nâng chất chỉ tiêu, tiêu chí tại các xã điểm (có 02 xã đạt tiêu chí thấp như xã Khánh Bình - huyện An Phú và xã Kiến An - huyện Chợ Mới rất khó đạt chuẩn xã nông thôn mới theo lộ trình kế hoạch đề ra).

2.2 Kết quả thực hiện của 58 xã không thuộc lộ trình kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020

Đối với các xã không thuộc xã điểm, tình hình triển khai xây dựng nông thôn mới ở các địa phương nhìn chung đạt thấp, cụ thể: có 25 xã đạt 10-14 tiêu chí, 33 xã đạt 5-9 tiêu chí. Các tiêu chí cần vốn và không cần vốn đều đạt thấp như trường học (không có xã đạt), môi trường và an toàn thực phẩm (4 xã đạt), cơ sở vật chất văn hóa (7 xã đạt), tổ chức sản xuất, thu nhập, hộ nghèo, y tế... xã đạt cao nhất là xã Long Hòa - huyện Phú Tân (đạt 14 tiêu chí) và đạt thấp nhất là xã Hòa Bình Thạnh - huyện Châu Thành (chỉ đạt 05 tiêu chí).

* **Như vậy**, tính đến ngày 31/12/2017, toàn tỉnh có 33/119 xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn “Xã nông thôn mới” (chiếm 27,32%), 08 xã đạt 15-18 tiêu chí, 43 xã đạt 10-14 tiêu chí, 35 xã đạt 5-9 tiêu chí; bình quân toàn tỉnh đạt 12,9 tiêu chí/xã và không còn xã nào đạt dưới 05 tiêu chí. Trong 21 xã đạt chuẩn “Xã nông thôn mới” giai đoạn 2011 - 2016, có 07 xã giữ vững, duy trì nâng chất theo bộ tiêu chí mới (xã Vĩnh Phú, Vĩnh Trạch, Thoại Giang - huyện Thoại Sơn; xã Vĩnh Châu, Vĩnh Tế - Thành phố Châu Đốc; xã Long An - thị xã Tân Châu; xã Núi Voi - huyện Tịnh Biên), có 3 xã đạt 18 tiêu chí, 7 xã đạt 17 tiêu chí, 2 xã đạt 16 tiêu chí, 01 xã đạt 15 tiêu chí và 01 xã đạt 14 tiêu chí.

Đối với 2 đơn vị thành phố Long Xuyên và Châu Đốc đã có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, Tỉnh đã hoàn chỉnh hồ sơ gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho thành phố Châu Đốc.

3. Kết quả đạt được chi tiết các tiêu chí, chỉ tiêu

a) Tình hình xây dựng quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Thực hiện xây dựng quy hoạch vùng nhằm đáp ứng tiêu chí của Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, UBND tỉnh đã chỉ đạo lập quy hoạch vùng huyện Thoại Sơn và hoàn thành trong năm 2018.

Chỉ đạo xây dựng các nội dung hướng dẫn về quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, xem đây là nội dung cần phải gắn kết chặt chẽ trong suốt quá trình phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu chủ yếu là tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cư dân nông thôn.

Kết quả đạt được: Có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 01 về quy hoạch và thực hiện quy hoạch. Hiện nay, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo các xã tiếp tục rà soát, điều chỉnh đề án, quy hoạch xây dựng nông thôn mới cho phù hợp với tình hình thực tế.

b) Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội

- Về Giao thông:

Thực hiện Nghị định số 161/NĐ-CP, UBND tỉnh ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với cầu giao thông nông thôn và thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với tuyến đường giao thông nông thôn; chỉ đạo khảo sát danh mục tuyến đường thực hiện tiêu chí 02 về giao thông huyện Thoại Sơn, huyện nông thôn mới.

Để tiếp tục phát triển hạ tầng trong thời gian tới, UBND tỉnh đã ban hành Đề án số 426/ĐA-UBND ngày 19/7/2017 về “Xã hội hóa đầu tư xây dựng cầu nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020” với phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm và tranh thủ các nguồn lực khác trong và ngoài tỉnh nhằm xóa cầu gỗ, cầu sắt không mạ kẽm; dự kiến giai đoạn 2016-2020 phấn đấu đầu tư kiên cố hóa **481** cầu với tổng kinh phí thực hiện 1.577.915 triệu đồng (trong đó, 108 cầu thuộc các dự án Bắc Vàm Nao, Nam Vàm Nao, Lramp, 373 cầu đang tìm nguồn vốn đầu tư). Trong đó, 02 năm (2016-2017) toàn tỉnh đã xây dựng mới 179 cầu, tổng chiều dài 5,8 km, tổng kinh phí thực hiện 215,5 tỷ đồng; trong đó vốn huy động nguồn lực xã hội 195,4 tỷ đồng.

Kết quả đạt được: có 51 xã đạt tiêu chí số 02 về giao thông (đạt 42,85%).

- Về Thủy lợi:

Trong năm 2017, ngành nông nghiệp thực hiện 532 công trình thủy lợi để nạo vét, gia cố đê bao, duy tu sửa chữa cống bọng phục vụ chuyển dịch cơ cấu cây trồng, phát triển rau màu, cây ăn trái, chăn nuôi, thủy sản,... theo mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, với tổng chiều dài hơn 462 km, khối lượng hơn 1,6 triệu m³, kinh phí 364 tỷ đồng (từ nguồn vốn thủy lợi phí, vốn hỗ trợ theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP). Triển khai công tác phòng

chống hạn hán, xâm nhập mặn, tăng cường lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Kết quả đạt được: có 117 xã đạt tiêu chí số 03 về thủy lợi đạt 98,32%, (còn 02 xã chưa đạt gồm Đào Hữu Cảnh và An Hảo).

- Về Điện:

Trong những năm qua ngành điện tỉnh An Giang đã luôn nỗ lực cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt và sản xuất ngày càng tăng cao của người dân trên địa bàn toàn tỉnh, cũng như tại các xã trong lộ trình xây dựng nông thôn mới.

Kết quả đạt được: Tính đến nay tỷ lệ hộ dân có điện sử dụng toàn tỉnh là 98,14%. Có 85/119 xã đạt tiêu chí số 04 về điện (đạt 71,43%).

- Về Trường học:

Cơ sở vật chất trường, lớp học được tập trung đầu tư, toàn tỉnh có 122/738 trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia (chiếm 16,53%); trong đó, mầm non có 26 trường, tiểu học có 56 trường, trung học cơ sở có 27 trường, trung học phổ thông có 13 trường.

Kết quả đạt được: hiện tại có 33/119 xã đạt chuẩn tiêu chí số 05 về trường học đạt 27,73%.

- Cơ sở vật chất văn hóa:

Thực hiện Đề án số 511/ĐA-UBND ngày 9/11/2015 của UBND tỉnh về sáp nhập và thành lập Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020, lồng ghép với Chương trình xây dựng nông thôn mới. Theo đó, giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh đã và đang đầu tư xây dựng mới 17 Trung tâm văn hóa và HTCD với tổng kinh phí 200.089 triệu đồng. Ngày 28/8/2017, UBND tỉnh đã có Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm văn hóa và HTCD thí điểm tại 17 xã trên địa bàn tỉnh An Giang. Đối với nhà văn hóa của các xã điểm còn lại, UBND tỉnh cho chủ trương đầu tư xây dựng nhà văn hóa xã với định mức ngân sách hỗ trợ không quá 02 tỷ/xã.

Kết quả đạt được: có 54/119 xã đạt chuẩn tiêu chí số 06 về cơ sở vật chất văn hóa, đạt 45,38%.

- Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

Bên cạnh hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại hiện đại, toàn tỉnh hiện có 202 chợ, trong đó có 172 chợ phân bố ở địa bàn nông thôn, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân, chủ yếu là chợ hạn 3.

Kết quả đạt được: có 82/119 xã đạt chuẩn tiêu chí số 07 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, đạt 68,91%.

- Về Thông tin và truyền thông:

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước được UBND tỉnh, các cấp, các ngành quan tâm thực hiện mạnh

mẽ như: phần mềm quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành trên môi trường mạng, thư điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình một cửa, tiếp nhận hồ sơ và xử lý qua mạng internet,... các dự án, đề án, kế hoạch đã được đầu tư và đẩy nhanh tiến độ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai thực hiện khá tốt, kết quả trả hồ sơ của các cơ quan, đơn vị đạt yêu cầu về mặt thời gian; việc công khai minh bạch tài liệu, số liệu, thủ tục hành chính và các văn bản khác bằng nhiều hình thức được các ngành, các cấp thực hiện nghiêm túc. Bên cạnh đó, việc triển khai trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính đã mang lại hiệu quả thiết thực và được người dân đánh giá cao.

- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Cổng TTĐT Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên đăng nhiều tin, bài, ảnh về các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước, các văn bản chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh, huyện và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã,... đến các cấp, các ngành và tầng lớp nhân dân kịp thời, chính xác và đầy đủ.

Kết quả đạt được: Có 118 xã đạt chuẩn tiêu chí số 08 về thông tin và truyền thông, đạt 99,16%. (hiện chỉ còn xã An Hảo chưa đạt).

Kết quả đạt được: Có 118 xã đạt chuẩn tiêu chí số 08 về thông tin và truyền thông, đạt 99,16%. (hiện còn xã tiêu chí An Hảo chưa đạt).

- Về Nhà ở dân cư:

Tỉnh Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình về nhà ở của Chính phủ như Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở; Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng. Giai đoạn 2016-2017 tỉnh đã xây dựng 42 cụm tuyến dân cư, đã bố trí các nhóm đối tượng của Chương trình theo quy định vào ở góp phần tạo không khí phấn khởi trong nhân dân, đồng thời góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội và việc thực hiện các mục tiêu quan trọng khác của địa phương.

Kết quả đạt được: Hiện nay tỷ lệ hộ dân còn nhà tạm dột nát chiếm 2,31%, Tỷ lệ hộ dân có nhà đạt chuẩn của Bộ Xây dựng (đảm bảo 3 cứng) bình quân đạt khoảng 80%. Có 73/119 xã (61,34%) tiêu chí về nhà ở dân cư.

c) Kinh tế và tổ chức sản xuất

- Về Thu nhập: Toàn tỉnh có 80/119 xã đạt thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn >37 triệu đồng/người/năm (theo quy định năm 2017), bình quân thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn toàn tỉnh năm 2017 đạt 36 triệu đồng/người/năm, tăng 13,06% so năm 2016 (tương ứng tăng 4,17 triệu đồng/người/năm). Tuy nhiên, trong điều kiện tình hình kinh tế của tỉnh còn nhiều khó khăn do diễn biến phức tạp, khó lường của kinh tế thế giới và trong nước, giá cả hàng hóa không ổn định, chậm được tiêu thụ... thì việc nâng cao thu nhập cho khu vực nông thôn gặp rất nhiều khó khăn mặc dù thời gian

qua Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các cấp, các ngành đã nỗ lực chủ động khắc phục, tổ chức triển khai thực hiện tốt.

- **Về Tỷ lệ hộ nghèo:** Công tác giảm nghèo tuy còn nhiều khó khăn nhưng tỉnh vẫn quan tâm và tập trung nguồn lực ưu tiên cho công tác giảm nghèo thể hiện qua hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện và việc triển khai thực hiện các chính sách hướng đến người nghèo, người cận nghèo, các đối tượng bảo trợ xã hội, nhằm đảm bảo an sinh xã hội, phấn đấu giảm nghèo bền vững. Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh hiện còn 28.461 hộ nghèo/tổng số 543.359 hộ toàn tỉnh (chiếm 5,25%, giảm 1,51% so năm 2016) nhưng số hộ cận nghèo tăng lên 34.020 hộ, chiếm 6,26% (tăng 0,22%). Có 65/119 xã đạt chuẩn theo quy định, chiếm 54,62%.

- **Về tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên:** Toàn tỉnh có 112/119 xã (94,12%) đạt tiêu chí 12 về tỷ lệ người lao động có việc làm (quy định tỷ lệ 90%).

- **Về Tổ chức sản xuất:** Toàn tỉnh có 01 Liên hiệp HTX NN với 45 thành viên và 121 HTX NN với 10.490 thành viên (trong 121 HTX gồm 106 HTX đang hoạt động và 15 HTX ngưng hoạt động). Trong 106 HTX đang hoạt động có 103 HTX tổ chức hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2012 (đạt tỷ lệ 97%) và 03 HTX chưa chuyển đổi (tỷ lệ 3%). Số lao động làm việc thường xuyên trong HTX khoảng 1.781 người. Kết quả đánh giá xếp loại HTX NN: Trong 121 HTX NN có 16 HTX xếp loại tốt; 38 HTX xếp loại khá; 27 HTX xếp loại trung bình; 08 HTX xếp loại yếu; và 32 HTX chưa phân loại. HTX NN còn đơn điệu, chưa đa dạng dịch vụ, chưa tiếp cận vốn vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP, phần lớn HTX thiếu vốn, thiếu nguồn nhân lực...Ngoài ra, đối với các HTX không hoạt động, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành và UBND cấp huyện kiên quyết xử lý giải thể theo quy định.

Có 07 HTX NN được thành lập theo mô hình HTX kiểu mới, trong đó có 05 HTX thành lập theo nhu cầu của doanh nghiệp gồm 04 HTX gắn với Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời: HTX Vĩnh Bình và HTX Vĩnh Nhuận (Châu Thành); HTX An Bình và HTX Bình Thành (Thoại Sơn), 01 HTX gắn với Công ty Vinacam (HTX Vinacam - Tri Tôn, huyện Tri Tôn). 02 HTX kiểu mới tiêu thụ nông sản cho doanh nghiệp gồm HTX Nông sản an toàn Kiến An - Chợ Mới (Chợ Mới) tiêu thụ nông sản cho Công ty Antesco và HTX NN Mỹ Hòa Hưng (Long Xuyên) tiêu thụ nông sản cho Siêu thị Coopmart và Công ty Phan Nam. Nhìn chung, mô hình HTX kiểu mới hoạt động ổn định và hiệu quả, đem lại lợi nhuận cao cho HTX và thành viên tham gia, giúp thành viên và người nông dân giải quyết đầu ra cho nông sản, yên tâm sản xuất, góp phần ổn định kinh tế xã hội tại địa phương.

Kết quả: có 60/119 xã đạt tiêu chí về tổ chức sản xuất.

d) Văn hóa - xã hội - môi trường

- **Về Phát triển giáo dục ở nông thôn:**

Công tác phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập Tiểu học, Trung học cơ sở được quan tâm thực hiện 119/119 xã hoàn thành chỉ tiêu. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học (Phổ thông, bổ túc, học nghề) tại các xã đạt 80,67%, có 96/119 xã đạt chỉ tiêu chiếm 88,24%. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 31,68% (quy định từ 25% trở lên), có 96/119 xã đạt chiếm 80,67%.

Kết quả đạt được: có 84/119 xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục.

- Về Y tế:

Hiện tại có 110/119 xã đạt chuẩn theo bộ tiêu chí Quốc gia về y tế chiếm 92,43%. Trạm y tế của các xã đều được đầu tư mới, bổ sung trang thiết bị hàng năm, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.

Tham gia bảo hiểm y tế toàn dân: Ngành y tế tiếp tục vận động, tuyên truyền người dân tham gia bảo hiểm y tế trong đối tượng thuộc nhóm mua bảo hiểm y tế theo hộ gia đình. Tham gia BHYT sẽ được hưởng nhiều quyền lợi khi khám chữa bệnh, đồng thời cũng là sự chia sẻ cộng đồng giúp đỡ nhau khi tham gia BHYT. Đến nay tỷ lệ người dân tham gia BHYT toàn tỉnh đạt khoảng 76,52% và chỉ có 57 xã đạt từ 85% trở lên theo quy định.

- Về Phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: Tiếp tục duy trì các hoạt động truyền thông, giám sát theo dõi cân trẻ em dưới 5 tuổi định kỳ, kết hợp với các ban ngành đoàn thể tổ chức truyền thông về dinh dưỡng. Tiếp tục thực hiện lồng ghép hoạt động của chương trình phòng chống suy dinh dưỡng với các hoạt động khác như tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, Dân số-KHHGD... nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 12% số trẻ em dưới 5 tuổi, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 24,5% số trẻ em dưới 5 tuổi.

Kết quả đạt được: có 47/119 xã đạt tiêu chí số 15 về y tế.

- Về Văn hóa:

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được đưa vào nghị quyết, kế hoạch của các cấp ủy Đảng, chính quyền và hoạt động chuyên môn của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể nên có sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của các cấp, các ngành.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã gắn kết với chương trình xây dựng nông thôn mới tạo được sự chuyển biến rõ rệt trong xây dựng các xã nông thôn mới và làm cho diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc, từng bước đi vào ổn định và nề nếp, chú trọng đến chất lượng, tránh hình thức, thành tích và số lượng; chất lượng các danh hiệu văn hóa ngày càng được nâng cao và giữ vững.

Đến nay, toàn tỉnh có 503.726 hộ gia đình văn hóa (đạt 93,24% so tổng số hộ), 857 khóm/ấp văn hóa (đạt 96,5% so tổng số ấp), 22 xã đạt chuẩn văn hóa (đạt 18,48% so tổng số xã); 32 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới (đạt 26,89% so tổng số xã), 10 phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, đạt 27,02%.

Kết quả đạt được: có 117 xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa, đạt 98,32% (còn xã Bình Phú và Ô Long Vĩ - H. Châu Phú chưa đạt).

- Về Môi trường và an toàn thực phẩm:

Kết quả đạt được: có 38/119 xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm, gồm:

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch khu vực nông thôn đạt 87,54%, trong đó có 88/119 xã đạt chuẩn quy định, chiếm 73,95%.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 91,87% (quy định 100%). Có 75/119 xã đạt chuẩn theo quy định chiếm 63,03%.

- Xây dựng cảnh quang môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn luôn được quan tâm thực hiện, tuy nhiên đây là chỉ tiêu đánh giá về cảm quan nên cần thường xuyên tuyên truyền, vận động để nâng cao ý thức người dân, hiện có 68/119 xã đạt, chiếm 57,14%.

- Mai táng phù hợp quy định có 106/119 xã đạt, chiếm 89,08%.

- Thu gom, xử lý chất thải, nước thải theo quy định có 74/119 xã đạt, chiếm 62,18%.

- Tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 03 sạch đạt 83,75%, có 104/119 xã đạt đạt chuẩn theo quy định, chiếm 87,39%.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 75,43%, có 104/119 xã đạt chuẩn theo quy định, chiếm 87,39%.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 80,11% (quy định 100%). Có 69/119 xã đạt chuẩn theo quy định, chiếm 57,78%.

đ) Hệ thống chính trị

- Về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

Hiện nay, có 1.655/1.715 cán bộ đạt chuẩn (chiếm 96,5%) và 1.677/1.699 công chức đạt chuẩn (tỷ lệ 98,7%).

Có đầy đủ các tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị xã hội. Kết quả đánh giá đảng bộ, chính quyền đạt từ hoàn thành tốt nhiệm vụ; các tổ chức chính trị, xã hội hằng năm đạt từ khá trở lên, chiếm tỷ lệ 100% các đơn vị đạt chuẩn theo quy định.

Công tác tiếp cận pháp luật, cải cách hành chính luôn được cải tiến nâng cao đáp ứng nhu cầu của người dân.

Công tác đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội luôn được quan tâm thực hiện.

Kết quả đạt được: Có 60/119 xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị.

- Về Quốc phòng - An Ninh:

Kết quả đạt được: có 79 xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh.

+ Về Quốc phòng: Hội đồng Nghĩa vụ quân sự các cấp làm tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong thực hiện công tác tuyển chọn và gọi nhập ngũ, đạt chỉ tiêu giao quân 100% (1300/1300 thanh niên). Thực hiện công tác đăng ký, quản lý nguồn động viên đúng quy định, sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên đạt 90,40%, thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, giữa lực lượng Dân quân với Công an góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Có 116/119 xã đạt (còn 03 xã chưa đạt là Long Điền A, Long Điền B - huyện Chợ Mới, Tân Phú - huyện Châu Thành).

+ Về An ninh: năm 2017, có 81/119 xã (*chiếm tỷ lệ 68%*); **38 xã** không đạt (*chiếm tỷ lệ 32%*). Nguyên nhân phần lớn các xã không đạt Tiêu chí 19 - Chỉ tiêu 19.2 do không đạt yêu cầu 2 - 3 và 5 để xảy ra phạm pháp hình sự đặc biệt nghiêm trọng (*có mức án từ 15 năm tù trở lên*) trên địa bàn, phát sinh tội phạm ma túy và các đồng chí lãnh đạo Công an xã và Công an viên bị kỷ luật.

(Chi tiết xem các phụ lục đính kèm)

II. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC

a) Kết quả huy động nguồn vốn cho Chương trình

Tổng kế hoạch vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện các Chương trình MTQG trong năm 2017 là: 157.848 triệu đồng, trong đó:

*** Ngân sách Trung ương:** Năm 2017 tỉnh An Giang được giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2017 là 151.020 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển: 108.020 triệu đồng, trong đó nguồn vốn giao đầu năm là 83.000 triệu đồng, nguồn vốn bổ sung là 25.020 triệu đồng (trong đó bổ sung theo Nghị quyết số 350/NQ-UBTVQH14 ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 21.320 triệu đồng).

- Vốn khen thưởng công trình phúc lợi cho các địa phương có thành tích tiêu biểu trong phong trào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011- 2015 là 13.000 triệu đồng;

- Nguồn vốn sự nghiệp: 30.000 triệu đồng, trong đó nguồn vốn giao đầu năm là 29.000 triệu đồng, nguồn vốn bổ sung là 1.000 triệu đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 3111/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 là 29.000 triệu đồng và Quyết định 3775/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 là 1.000 triệu đồng.

*** Ngân sách tỉnh:**

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, năm 2017, ngân sách

tỉnh đối ứng thực hiện các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 6.828 triệu đồng.

Ngoài ra, tỉnh An Giang còn huy động các nguồn lực khác để đầu tư cơ sở hạ tầng, thực hiện các hoạt động tuyên truyền, các mô hình sản xuất để giúp cho các địa phương thực hiện Chương trình.

b) Kết quả phân bổ, sử dụng nguồn vốn thực hiện từng chương trình

Trong năm 2017, tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định phân bổ chi tiết nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh để thực hiện các Chương trình MTQG là 157.570/157.848 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Về kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình MTQG: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đã được ngân sách trung ương giao. Kết quả phân bổ 150.742/151.020 triệu đồng.

* Lý do không phân bổ hết kế hoạch vốn ngân sách trung ương: Theo quy định Nghị quyết 70/NQ-CP ngày 03/8/2017, các dự án khởi công mới sẽ được bố trí vốn trong năm 2017 khi hoàn thiện thủ tục đầu tư đến ngày 30/9/2017. Do đó, khi phân bổ nguồn vốn bổ sung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, các dự án đăng ký phải hoàn thiện thủ tục đầu tư đến ngày 30/9/2017. Trong khi đó có 01 dự án đăng ký của huyện Phú Tân là chưa đủ thủ tục nên chưa phân bổ. Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo và đề nghị kéo dài phần vốn này trong Công văn số 263/UBND-KTTH ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư NSNN năm 2017 sang năm 2018.

- Về kế hoạch vốn ngân sách tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 3761/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017, phân bổ 6.828 triệu đồng để đối ứng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo quy định.

- Tình hình giải ngân kế hoạch vốn: tính đến ngày 30/4/2018 tỉnh An Giang đã giải ngân được 96.745/157.848 triệu đồng (chiếm 61,29%), trong đó:

+ Ngân sách trung ương nguồn vốn đầu tư phát triển là 75.864/121.020 triệu đồng (đạt 62,69% kế hoạch).

+ Ngân sách trung ương nguồn vốn sự nghiệp là 15.150/30.000 triệu đồng (đạt 50,5% kế hoạch).

+ Ngân sách tỉnh là 5.731/6.828 triệu đồng (đạt 83,93% kế hoạch).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, ưu tiên bố trí nguồn lực, sự kiểm tra sát sao tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới của cấp Ủy đảng, chính quyền; sự chủ động của địa phương, đơn vị trong chỉ đạo, phân công nhiệm vụ thực hiện các nội dung, tiêu chí nông thôn mới đã tạo điều kiện thuận

lợi cũng như kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng nông thôn mới, nhất là ở các xã điểm.

- Sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên và người dân về xây dựng nông thôn mới, tạo thuận lợi trong việc huy động nguồn lực trong nhân dân tham gia.

- Chủ trương đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp từ Trung ương đã tạo tiền đề để Tỉnh đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, công nghệ cao phục vụ sản xuất nông nghiệp.

2. Khó khăn, hạn chế

- Các chủ trương, quy định của Trung ương có nhiều bất cập, thay đổi; nguồn lực của Trung ương bố trí cho xây dựng nông thôn mới không thoả đáng. Giai đoạn 2016 - 2020, ban đầu Tỉnh đề ra kế hoạch phấn đấu thêm 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế 2010 - 2020 có 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỉ lệ 25,2%). Tuy nhiên, theo yêu cầu của Trung ương nên Tỉnh phải điều chỉnh kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 lên thêm 48 xã với tổng nguồn vốn đầu tư khoảng 4.900 tỉ đồng (lũy kế 2010 - 2020 là 61 xã, đạt tỉ lệ 51,26%) trong khi nguồn lực của ngân sách tỉnh chỉ có thể đáp ứng đầu tư cho khoảng 30 xã.

- Xuất phát điểm và điều kiện kinh tế - xã hội của Tỉnh còn thấp, cụ thể: (1) Tỉnh có dân số đông, đứng thứ 6 cả nước, mật độ dân cư cao (bình quân 609 người/km²) nên suất đầu tư cho một xã nông thôn mới tương đối cao (bình quân 90,2 tỉ đồng/xã, cao gấp ít nhất 02 lần bình quân cả nước); (2) Tỉnh thuần nông, thu nhập của người dân chủ yếu từ nông nghiệp; (3) Đặc thù vùng trũng, kênh rạch chằng chịt, nền hạ tầng không ổn định. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Hệ thống giao thông vùng và trên địa bàn Tỉnh chưa đồng bộ...

- Một số tiêu chí nông thôn mới cần vốn và không cần vốn đạt thấp như trường học (chỉ có 33 xã đạt), môi trường (38 xã), y tế (47 xã), giao thông (51 xã), cơ sở vật chất văn hóa (54 xã), tổ chức sản xuất (60 xã), hộ nghèo (65 xã).

- Năm 2017 là năm đầu tiên điều chỉnh Bộ tiêu chí xã nông thôn mới của tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020 nên nhiều địa phương còn lúng túng trong quá trình thực hiện.

- Nguồn vốn Trung ương phân bổ thực hiện Chương trình chậm do cơ chế phân bổ vốn phải trình thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh trong kỳ họp 6 tháng đầu năm 2017 và sau đó Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 12/QĐ-TTg và Quyết định số 900/QĐ-TTg, Ủy ban nhân dân tỉnh phải trình lại Hội đồng nhân dân phương án phân bổ vốn năm 2017 đã ảnh hưởng đến tiến độ phân bổ vốn thực hiện Chương trình.

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương, cán bộ, đảng viên thiếu chủ động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ; phân công, đơn đốc triển khai công việc chưa quyết liệt; nhiều sở, ngành, địa phương còn nặng tâm lý dồn sức cho xây dựng cơ sở hạ tầng mà chưa chú trọng đến phát triển sản xuất, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo việc làm, nâng cao thu

nhập người dân nông thôn; một bộ phận người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm, trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước. Một số địa phương có biểu hiện thỏa mãn với kết quả đạt được, thiếu sự tập trung, không tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện việc duy trì, giữ vững và nâng chất mức độ đạt chuẩn các tiêu chí.

- Việc rà soát, điều chỉnh đề án, quy hoạch xây dựng nông thôn mới ở cấp xã cho phù hợp với giai đoạn mới còn chậm. Các tiêu chí không cần vốn như thu nhập, hộ nghèo, bảo hiểm xã hội, an ninh trật tự... đã đạt nhưng chưa ổn định và bền vững. Việc thực hiện quy trình về xây dựng cơ bản khó và chậm, nhất là tiêu chí 5 trường học.

- Tỷ lệ tham gia đóng góp của người dân và nguồn lực xã hội hóa từ doanh nghiệp còn thấp.

- Nguồn nhân lực chuyên trách thực hiện Chương trình không có, chưa bố trí biên chế cho văn phòng điều phối chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp, hầu hết là kiêm nhiệm.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động của cả hệ thống chính trị, từ đó, tạo sự lan toả ra toàn xã hội trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Phải nhận thức được “Xây dựng nông thôn mới là nhằm phát triển toàn diện nông thôn An Giang, đảm bảo sự công bằng trong phát triển giữa thành thị và nông thôn, sự hài hoà giữa người dân vùng thành thị và vùng nông thôn”. Cần xem việc xây dựng nông thôn mới là trách nhiệm, tâm quyết của hệ thống chính trị đối với nhân dân. Từng cấp, từng ngành phải không ngừng đổi mới tư duy, đổi mới cách làm; phát huy tính năng động, sáng tạo, đặc biệt là sự quyết tâm, quyết liệt trong triển khai nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

2. Từng cấp, từng ngành đúc kết kinh nghiệm những mặt làm được, chưa được trong thời gian qua và những phát sinh mới để thay đổi cách làm, đề ra những giải pháp mạnh hơn, nâng tầm cao hơn và có ưu tiên, đáp ứng nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Tiếp tục thực hiện đạt các tiêu chí của các xã nông thôn mới đạt chuẩn theo lộ trình kế hoạch. Đối với các tiêu chí không bền vững, cần có giải pháp hoàn thiện, đảm bảo tính bền vững khi đạt chuẩn xã nông thôn mới. Duy trì, nâng chất các xã đã đạt chuẩn xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Mỗi huyện xây dựng ít nhất 01 xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 7/5/2018 của UBND tỉnh đề các xã khi được công nhận nông thôn mới tiếp tục phấn đấu thực hiện Chương trình.

- Chỉ đạo xây dựng giải pháp, quy định cụ thể đối với các xã không nằm trong lộ trình đạt chuẩn xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 nhưng bắt buộc phải thực hiện đạt một số tiêu chí cụ thể để đảm bảo sự phát triển hài hoà giữa các xã trong Tỉnh.

- Rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới để điều chỉnh các quy hoạch xây dựng nông thôn mới phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

3. Tập trung phát triển sản xuất; đẩy mạnh kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn.

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 27/6/2012 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với triển khai có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là ở các xã điểm xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao thu nhập bền vững cho người dân nông thôn. Ưu tiên thúc đẩy hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, kinh tế nông thôn; trong đó, tập trung chỉ đạo thực hiện Chương trình quốc gia “Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020”, xây dựng dự án liên kết sản xuất với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông sản.

- Đổi mới phương thức thực hiện và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng gắn đào tạo nghề với triển khai các mô hình dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cụ thể, theo nhu cầu của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế.

- Đẩy mạnh kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn, nhất là có cơ chế, chính sách cụ thể ưu tiên hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp, du lịch và tham gia tốt các hoạt động an sinh xã hội.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân và doanh nghiệp nông thôn tiếp cận các chính sách tín dụng nông thôn để đầu tư, phát triển sản xuất. Tập trung phát triển những sản phẩm nông nghiệp có lợi thế so sánh gắn với chế biến theo hướng công nghiệp, hiện đại. Sớm hình thành các doanh nghiệp vừa và nhỏ nông thôn nhằm thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển, tạo thu nhập ổn định cho người dân nông thôn.

4. Tập trung nâng cao dân trí, xây dựng đời sống văn hoá, nếp sống văn minh cho người dân ở nông thôn; lựa chọn, xây dựng mô hình điểm xã hội hóa trong sinh hoạt văn hóa - thể thao tại các trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng các xã nông thôn mới để phát huy hiệu quả công trình. Chú trọng công tác bảo vệ môi trường và tạo cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp, an toàn.

Tăng cường biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội ở địa bàn nông thôn.

5. Tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ từ các nguồn vốn, chương trình, dự án, để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ bản các công trình như giao thông, thủy lợi, trường học, nhà văn hóa... của các xã kế hoạch đạt chuẩn theo lộ trình. Ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, các chương trình, dự án của tỉnh, huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư phát triển cho các xã điểm xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

Yêu cầu các địa phương khẩn trương chủ động chuẩn bị trước các thủ tục liên quan đến xây dựng cơ bản như công tác giải phóng mặt bằng, quy trình hồ sơ thủ tục xây dựng các danh mục đầu tư về giao thông, giáo dục, nhà văn hóa xã, trạm y tế...

6. Phát huy tốt vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động người dân gắn với vai trò kiểm tra, giám sát đánh giá, phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Phát huy hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của cộng đồng dân cư tham gia giám sát trong quá trình xây dựng nông thôn mới, tham gia bảo quản tốt các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn.

7. Kiện toàn Ban Chỉ đạo và Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thống nhất các cấp, theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp.

Tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tham mưu chỉ đạo, điều hành và trực tiếp tổ chức thực hiện ở cơ sở cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp.

8. Cấp ủy và chính quyền các cấp tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra giám sát nội dung xây dựng nông thôn mới ở cơ sở, định kỳ hằng quý báo cáo về cho cơ quan thường trực chương trình cùng cấp, làm cơ sở tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp kịp thời biểu dương, khen thưởng cũng như kiểm điểm phê bình, xử lý trách nhiệm của cá nhân, tập thể trong việc tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới.

V. KIẾN NGHỊ

1. Trung ương cần có cơ chế cân đối, bố trí nguồn kinh phí cho việc đầu tư, phát triển lưới điện vùng nông thôn; cơ chế huy động các nguồn vốn đóng góp trong xã hội hóa đầu tư, phát triển lưới điện tại các xã điểm xây dựng nông thôn mới. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương có cơ sở thực hiện chủ trương xã hội hóa trong xây dựng nông thôn mới.

2. Trung ương sớm ban hành Quy chế về quản lý, lồng ghép, sử dụng vốn ngân sách nhà nước của các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án trên cùng một địa bàn. Bố trí nhanh kinh phí hàng năm thực hiện Chương trình. Tham mưu phân cấp mạnh cho địa phương trong việc quản lý, điều hành, phân bổ kinh phí thực hiện các dự án Chương trình MTQG để địa phương chủ động trong việc phân bổ phù hợp yêu cầu thực tế.

3. Bộ Công an sớm triển khai đề án bố trí Công an chính quy về xã để bảo đảm an ninh, trật tự; tiếp tục quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách, trang bị phương tiện, công cụ hỗ trợ cho lực lượng Công an xã. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2012/TT-BCA cho phù hợp với quy định, hướng dẫn hiện nay; nên quy định

khung hình phạt là bao nhiêu năm đối với tội giết người (tại các Điều 93, 94, 95 của Bộ Luật hình sự) để đánh giá, phân loại; bổ sung và hướng dẫn cách tính phần trăm, so sánh tăng/giảm đối với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc....) và các vi phạm pháp luật khác tăng so với năm trước để thuận lợi đánh giá công nhận xã tiêu chí 19.2 về xã nông thôn mới.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, tổng hợp./d

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh (220 bản);
- LĐ VP.UBND tỉnh;
- Sở NN&PTNT;
- Lưu: KTN, HCTC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Quang Thi

PHỤ LỤC 01**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2017**

STT	Tên tiêu chí	Kết quả thực hiện	Ghi chú
	Tổng số xã trên địa bàn	119	
1	Số xã đã có QĐ công nhận đạt chuẩn	33	Vượt chỉ tiêu 02 xã *
2	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	
3	Số xã đạt 17 tiêu chí	1	
4	Số xã đạt 16 tiêu chí	3	
5	Số xã đạt 15 tiêu chí	4	
6	Số xã đạt 14 tiêu chí	8	
7	Số xã đạt 13 tiêu chí	8	
8	Số xã đạt 12 tiêu chí	7	
9	Số xã đạt 11 tiêu chí	10	
10	Số xã đạt 10 tiêu chí	10	
11	Số xã đạt 9 tiêu chí	10	
12	Số xã đạt 8 tiêu chí	13	
13	Số xã đạt 7 tiêu chí	4	
14	Số xã đạt 6 tiêu chí	7	
15	Số xã đạt 5 tiêu chí	1	

Ghi chú: Tổng hợp theo số liệu báo cáo tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2017 của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

* Chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh đến cuối năm 2017 là 31 xã.

PHỤ LỤC 02:**KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA 21 XÃ NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2011-2016**

STT	Tên xã	Năm công nhận	Số tiêu chí đạt	Tiêu chí, chỉ tiêu chưa đạt
1	Vĩnh Phú	2015	19	0
2	Vĩnh Trạch	2015	19	0
3	Thoại Giang	2016	19	0
4	Long An	2015	19	0
5	Núi Voi	2015	19	0
6	Vĩnh Tế	2014	19	0
7	Vĩnh Châu	2013	19	0
8	Khánh An	2016	18	19.2
9	Phú Bình	2016	18	13.1; 13.2
10	Kiến Thành	2016	18	15.1
11	Bình Chánh	2016	17	13.1; 15.1
12	Vĩnh Gia	2016	17	13.1; 19.2
13	Long Điền A	2015	17	15.1; 19.1, 19.2
14	Long Điền B	2015	17	15.1; 19.1
15	Vĩnh Nhuận	2016	17	17.1; 17.8; 18.5; 18.6
16	Mỹ Khánh	2016	17	13.1; 13.2; 17.2; 17.5; 17.8;
17	Mỹ Hòa Hưng	2015	17	17.2; 17.5; 17.8; 19.2
18	Bình Thủy	2015	16	13.1; 15.1; 17.8
19	Mỹ Đức	2015	16	15.1; 17.8; 18.3
20	Tân Hòa	2015	15	13.1; 13.2; 15.3; 17.8; 19.2
21	Vĩnh Thành	2015	14	2.3; 13.1; 15.1; 17.2; 17.8; 18.5

Ghi chú: Tổng hợp theo số liệu báo cáo tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2017 của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

PHỤ LỤC 03:**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO TỪNG TIÊU CHÍ NĂM 2017**

STT	Tên tiêu chí	Số xã đạt	Tỉ lệ (%)
1	Quy hoạch	119	100
2	Giao thông	51	42,85
3	Thủy lợi	117	98,32
4	Điện	85	71,43
5	Trường học	33	27,73
6	Cơ sở vật chất văn hoá	54	45,38
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	82	68,91
8	Thông tin và truyền thông	118	99,16
9	Nhà ở dân cư	73	61,34
10	Thu nhập	80	67,23
11	Hộ nghèo	65	54,62
12	Lao động có việc làm	112	94,12
13	Tổ chức sản xuất	60	50,42
14	Giáo dục và đào tạo	84	70,59
15	Y tế	47	39,5
16	Văn hóa	117	98,32
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	38	31,93
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	60	50,42
19	Quốc phòng và an ninh	79	66,39

Ghi chú: Tổng hợp theo số liệu báo cáo tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2017 của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

PHỤ LỤC 4

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của 61 xã điểm (giai đoạn 2016 - 2020)

STT	Tên tiêu chí	Số xã đạt	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
1	Quy hoạch	61	100	
2	Giao thông	43	70,50	
3	Thủy lợi	61	100	
4	Điện	56	91,80	
5	Trường học	33	54,10	
6	Cơ sở vật chất văn hoá	47	77,05	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	53	86,88	
8	Thông tin và truyền thông	61	100	
9	Nhà ở dân cư	52	85,25	
10	Thu nhập	60	98,36	Khánh Bình chưa đạt
11	Hộ nghèo	54	88,52	
12	Lao động có việc làm	61	100	
13	Tổ chức sản xuất	49	80,32	
14	Giáo dục và đào tạo	58	95,08	
15	Y tế	33	54,10	
16	Văn hóa	60	98,36	Ô Long Vĩ chưa đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	34	55,73	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	39	63,93	
19	Quốc phòng và an ninh	49	80,33	

PHỤ LỤC 5

**Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới
của các xã không nằm trong lộ trình 2016 - 2020**

STT	Tên tiêu chí	Số xã đạt	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
1	Quy hoạch	58	100	
2	Giao thông	19	32,75	
3	Thủy lợi	56	96,55	Đào Hữu Cảnh, An Hảo chưa đạt
4	Điện	29	50	
5	Trường học	0	0	
6	Cơ sở vật chất văn hoá	7	12,06	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	29	50	
8	Thông tin và truyền thông	57	98,27	An Hảo chưa đạt
9	Nhà ở dân cư	21	36,20	
10	Thu nhập	20	34,48	
11	Hộ nghèo	11	18,96	
12	Lao động có việc làm	51	87,93	
13	Tổ chức sản xuất	11	18,96	
14	Giáo dục và đào tạo	26	44,82	
15	Y tế	14	24,13	
16	Văn hóa	57	98,27	Bình Phú chưa đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	4	6,89	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	19	32,75	
19	Quốc phòng và an ninh	43	74,13	

**UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 859/SNN&PTNT-VPĐPNTM

An Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2018

V/v báo cáo kết quả xây dựng nông
thôn mới trên địa bàn tỉnh thông qua
tại kỳ họp lần 7 HĐND tỉnh khóa
IX, nhiệm kỳ 2016-2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-HĐND ngày 04/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tổ chức kỳ họp thứ 7 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Thực hiện Công văn số 471/UBND-TH ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung thông qua tại kỳ họp thứ 7 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021; trong đó giao Sở Nông nghiệp & PTNT chuẩn bị báo cáo chuyên đề về tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Sở Nông nghiệp & PTNT xây dựng dự thảo báo cáo của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh về tình hình thực hiện (đính kèm dự thảo báo cáo của Ban Chỉ đạo tỉnh gửi Hội đồng nhân dân tỉnh).

Sở Nông nghiệp & PTNT xin gửi dự thảo báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, VPĐPNTM, PTB.

GIÁM ĐỐC



Ký bởi: Sở Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn
Email:
sonnptnt@angiang.gov.
vn
Cơ quan: Tỉnh An
Giang
Thời gian ký:
30.05.2018 15:40:56
+07:00

Trần Anh Thư